

Vài nét về vấn đề tuyển chọn, bổ dụng võ quan triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884

Hoàng Lương*

Nhận ngày 20 tháng 1 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Tóm tắt: Nghiên cứu về võ quan triều Nguyễn bao gồm nhiều nội dung, trong đó tuyển chọn, bổ dụng võ quan là vấn đề trọng yếu. Trải qua các triều vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, những quy định về tuyển chọn, bổ dụng võ quan lần lượt được ban hành, có sự điều chỉnh, bổ sung qua từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với thực tiễn của vương triều, đất nước. Đó là cơ sở để triều Nguyễn lựa chọn những người tài năng đảm nhận vai trò quản lý, chỉ huy quân đội, đồng thời đảm bảo tính chặt chẽ, công bằng trong quá trình bổ nhiệm quan chức. Dựa trên những ghi chép của sử liệu, bài viết bước đầu phục dựng, phân tích, luận giải, đưa ra một số nhận xét liên quan đến vấn đề tuyển chọn, bổ dụng võ quan giai đoạn 1802-1884.

Từ khóa: Võ quan, triều Nguyễn, tuyển chọn, bổ dụng, quân đội.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Research on the Nguyễn dynasty's military mandarin includes many contents, in which its selection, nomination is an important issue. During the dynasties of Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, and Tự Đức, regulations on the military mandarin selection and nomination were issued in turn, with adjustments and supplements through each specific period, appropriated with the reality of the dynasty, the country. That was the basis for the Nguyễn dynasty to select talented people to take on the role of military management and command, while ensuring the closeness and fairness in the process of nominating mandarin. Based on historical records, the article initially restores, analyzes, interprets and makes some comments related to the selection, nomination military mandarin in the period 1802-1884.

Keywords: Military mandarin, Nguyễn dynasty, selection, nomination, army.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Võ quan là danh xưng dùng để chỉ người chỉ huy trong quân đội. Thành phần này chiếm số lượng đông đảo và giữ vai trò quan trọng trong hệ thống quan lại triều Nguyễn. Sau khi giành thắng lợi trước quân Tây Sơn, vua Gia Long từng ban hành các quy định về tuyển chọn, bổ dụng võ quan, đặt cơ sở cho các vị vua kế vị bổ sung, phát triển. Trong những năm qua, việc tìm hiểu về tuyển chọn, bổ dụng võ quan triều Nguyễn bước đầu thu hút sự quan tâm của các học giả, nhưng kết quả nghiên cứu còn sơ lược, thiếu tính hệ thống. Do vậy, việc triển khai nghiên cứu vấn đề này đặt trong một chỉnh thể thống nhất góp phần đem lại những hiểu biết căn bản, qua đó góp phần làm sáng tỏ một nội dung trọng yếu của chế độ quan lại triều Nguyễn ở thế kỷ XIX.

2. Phương thức tuyển chọn

Để đảm bảo nguồn nhân lực cho đội ngũ võ quan, triều Nguyễn ban hành các phương thức tuyển chọn chính yếu bao gồm tiền cử (bảo cử), tập ẩm, thi cử và tuyển chọn dựa trên công lao.

* Viện Lịch sử quân sự.
Email: hoangluong3689@gmail.com

Phương thức tiến cử (bảo cử)

Tiến cử (bảo cử) là phương thức tuyển chọn võ quan chính yếu dưới triều Nguyễn, cho phép các cá nhân (chuyên cử), tập thể (công cử) đề cử những người hiền tài cho triều đình¹. Đối tượng đề cử phải là những người tài năng, phẩm chất tốt, trong đó, đặc biệt chú trọng đến tài mưu lược, trình độ võ nghệ, sức khỏe,... Họ không bị giới hạn về thành phần xuất thân (tôn thất, con cháu quan lại, dân thường). Dựa trên chiếu cầu hiền hoặc căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, quan thần hoặc cá nhân các quan viên đề cử những người có đủ đức, tài để triều đình xem xét bổ dụng. Tiến cử (bảo cử) chức vụ đang khuyết ở kinh đô do võ quan đứng đầu các quân, doanh, cơ, vệ hoặc quan đứng đầu các địa phương đề cử. Tiến cử (bảo cử) đôi khi chịu sự ràng buộc chặt chẽ về mặt phẩm trật, ví như ở kinh đô: Chương doanh, Đô thống cử 1 người có thể làm chức Vệ úy, Lãnh binh; Thống chế cử 1 người có thể làm chức Phó vệ úy và Quản cơ; Quản vệ cử 1 người có thể làm Phó quản cơ và Thành thủ úy... Theo quy định chung, danh sách bảo cử gửi về Bộ Binh xem xét, tâu trình vua quyết định bổ dụng quan chức. Người trong tôn thất do Tôn nhân phủ chọn cử. Kể từ năm 1835, con em tôn thất tới tuổi trưởng thành lập danh sách tuyển chọn, xếp thứ tự tâu lên theo niên hạn định kỳ ba năm (các năm Sửu, Mùi, Thìn, Tuất), tùy tài năng bổ dụng. Theo thông lệ, người đề cử phải ghi rõ thông tin (quan hàm, chức vụ) để làm cơ sở đối chiếu. Trường hợp quan thần đề cử các chức vụ đang khuyết, người tiến cử (bảo cử) phải ghi rõ tên, sau đó các đại thần liên danh đề quan hàm, đóng ấn quan phòng hội sớ tâu lên nhà vua. Nguyên tắc liên đới trách nhiệm đảm bảo cho tiến cử (bảo cử) thiết lập chặt chẽ, là căn cứ để tiến hành khen thưởng, xử phạt. Trường hợp đề cử người không xứng đáng bị xử phạt từ 80 trượng cho đến 100 trượng. Thông qua đề cử, nhiều võ quan đã phát huy tài năng, lập nhiều công lao, điển hình như viên võ tướng Tạ Quang Cự²...

Tiến cử (bảo cử) là sự kế thừa cách thức truyền thống của các nhà nước quân chủ trong lịch sử Việt Nam, giúp triều Nguyễn tuyển chọn nhân tài bổ sung cho hệ thống võ quan. Tuy nhiên, phương thức tuyển chọn này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, đặc biệt là ảnh hưởng bởi ý muốn chủ quan của người tiến cử (bảo cử) và sự chi phối của các mối quan hệ thân quen, dẫn đến những bất cập nảy sinh do việc lạm dụng chức quyền, đề cử sai người. Mặc dù tiến cử (bảo cử) còn tồn tại những hạn chế nhất định, nhưng vẫn là phương thức tuyển chọn chính yếu, giúp cho triều Nguyễn tuyển chọn đội ngũ võ quan đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng.

Phương thức tập ấm

Tuyển chọn võ quan thông qua tập ấm là đặc quyền dành cho con cháu của các quan viên được ban cho chức quan. Theo qui chế năm Gia Long thứ 16 (1817), phẩm cấp tập ấm dành cho con cháu các công thần Vọng Các bao gồm Khinh xa đô úy (trật tông nhị phẩm), Kiêu kỵ đô úy (tông tam phẩm), Kỵ đô úy (tông tứ phẩm), Phi kỵ úy (tông ngũ phẩm), Ân kỵ úy (tông lục phẩm), Phụng ân úy (tông thất phẩm), Thừa ân úy (tông bát phẩm) gắn liền với những qui định cụ thể tùy theo thứ bậc công thần (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 953)... Dưới triều Minh Mệnh, con cháu của các công thần tập tước đều ban cho phẩm hàm như Quản cơ (tập tước Hầu), phó Quản cơ (tập tước Bá), Cai đội (tập tước Tử), Chánh đội trưởng (tập tước Nam) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.5: 153). Vua Thiệu Trị bổ sung đặc quyền cho phép một người con của võ quan thuộc dòng dõi tôn thất từ tứ phẩm được ấm thụ, thứ bậc phân chia dựa trên

¹ Dưới triều Nguyễn, tiến cử thông thường là đề cử người tài năng để triều đình xem xét bổ dụng khi cần thiết, chưa có chức vụ cụ thể; Bảo cử là đề cử người vào chức vụ nhất định. Tuy nhiên trong ghi chép của triều Nguyễn, việc sử dụng những danh xưng này đôi khi không có sự phân biệt rõ ràng.

² Tạ Quang Cự đầu quân dưới triều Gia Long, thăng đến chức Cai đội. Ông được Phó Đô thống chế Thị nội doanh Long Vũ Phan Văn Thuyết tiến cử dưới triều Minh Mệnh. Tạ Quang Cự lập nhiều công lao như bình ổn đất Trấn Ninh, tham gia đánh dẹp các cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương, Nông Văn Vân... Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), Tạ Quang Cự được thăng làm Đô thống thự Trung quân Đô phủ Chương phủ sự lĩnh Tổng đốc An Tĩnh, năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) gia hàm Thái tử Thái bảo kiêm coi ấn triện của Hậu quân ...

chức hàm: Chánh nhất phẩm âm bổ hàm chánh ngũ phẩm; tòng nhất phẩm âm bổ hàm tòng ngũ phẩm; chánh nhị phẩm âm bổ hàm chánh lục (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.6: 714)... Ngoài ra, những người tham gia đánh trận, hi sinh được ân chuẩn cho một người con hưởng âm thụ. Âm thụ dành cho con cháu thuộc ngành đích hoặc ngành trưởng, nếu không có thì con cháu ngành thứ tập âm, tuy nhiên, nguyên tắc này có thể thay đổi trong một số trường hợp như võ quan không có con thì cho phép người em âm thụ... Trường hợp giả mạo tập âm sẽ bị nghiêm trị. Khi quan viên qua đời, con cháu đủ tuổi theo quy định xin âm bổ tước, hàm. Người nào muốn ra làm quan phải trải qua kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực do Tôn nhân phủ hoặc Bộ Binh sát hạch mới ban cho các chức như Vệ úy, Quân cơ, Phó quân cơ, Cai đội, Chánh đội trưởng³,...

Nhằm bổ sung nguồn nhân lực đông đảo cho đội ngũ võ quan, triều Nguyễn mở rộng ân âm kể từ thời vua Minh Mệnh, cho phép con của võ quan từ tam phẩm trở lên và Chánh quân cơ (chánh tứ phẩm), Phó quân cơ (tòng tứ phẩm)⁴ ghi vào sách Hoa danh (năm 1841 đổi thành Anh danh), số lượng từ 1 đến 3 người tùy thuộc vào phẩm trật của người cha. Năm 1825, vua Minh Mệnh cho phép con của quan viên từ lục phẩm trở lên muốn theo con đường binh nghiệp học tập tại binh Giáo đường. Như vậy, phẩm trật của võ quan sẽ quyết định tư cách, số lượng người con được đào tạo trong sách Hoa danh hay binh Giáo đường. Điều đó đồng nghĩa với việc quyền lợi của người con sẽ bị thay đổi khi người cha bị thăng hoặc giáng chức. Con các quan viên theo học tại sách Hoa danh, binh Giáo đường đều phải trải qua huấn luyện, đào tạo trong một khoảng thời gian nhất định, thông qua sát hạch để bổ nhiệm chức quan. Đây là điểm tiến bộ, đánh dấu việc đào tạo, tuyển chọn con em võ quan dưới thời Minh Mệnh bài bản, quy củ hơn so với thời Gia Long, đặt cơ sở cho các triều vua kế vị tiếp nối. Đối chiếu ở một thời kỳ lịch sử cách xa hơn như ở thế kỷ XV, có thể thấy cách thức tuyển chọn quan viên từ ở thời Minh Mệnh có nhiều nét gần gũi với cách thức tuyển chọn thời Lê Thánh Tông. Vua Lê Thánh Tông cũng cho phép cháu trưởng của tước Công, tước Hầu, tước Bá cùng con trưởng của các viên quan văn võ nhị, tam phẩm; con trưởng của các tãn quan tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát phẩm được phép học tập võ nghệ ở vệ Cẩm y, đến cuối mùa đông khảo xét, ba năm một lần quan phụ trách lập danh sách tâu lên, đưa sang Bộ Binh, tổ chức theo lệ định, người nào đỗ thì bổ chức quan võ (Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê, 1998, t.2: 468-469). Nhìn chung, phương thức tuyển chọn quan viên từ giữa thời Minh Mệnh và Lê Thánh Tông tuy có một số khác biệt về quy định phẩm hàm, tước vị, số lượng thừa âm... nhưng đều giống nhau ở mục đích gắn kết đội ngũ võ quan với dòng họ thống trị, nuôi dưỡng truyền thống thượng võ trong mỗi gia đình, dòng tộc. Đặt trong sự đối sánh với các triều Minh, Thanh (Trung Quốc), phương thức tập âm của triều Nguyễn có nhiều nét tương đồng và dị biệt. Dưới triều Minh, quy định thế tập chỉ dành cho con cháu của thế quan (chủ yếu gồm quan viên từ chánh tứ phẩm đến tòng lục phẩm), sau khi võ quan qua đời, con cháu của họ đến 15 tuổi được quyền thế tập, 20 tuổi tham gia so tài, lần đầu không đạt vẫn tiếp tục thế tập chức vụ làm việc, nhưng chỉ cấp cho nửa lương bổng; hai năm sau tham gia so tài lại, người nào đỗ cấp toàn lương bổng, người nào không đạt giáng sung quân (Trần Cao Hoa, Tiền Hải Hạo, 1997: 177-178). Lệ thừa âm của triều Thanh có sự phân định cụ thể hơn, chia thành 3 loại: ân âm, nạn âm và đặc âm, trong đó, ân âm chỉ sự gia ân của hoàng đế dành cho con cháu của quan viên cao cấp, ban cho chức quan: con cháu của quan viên ở kinh đô từ tứ phẩm trở lên, quan ở bên ngoài (quan địa phương) từ tam phẩm trở lên, võ quan từ nhị phẩm trở lên vào dịp lễ lớn được nhận chức quan gọi là ân âm; nạn âm chỉ trường hợp

³ Theo thông lệ, con cháu của các quan viên 20 tuổi có quyền xin âm thụ, 25 tuổi tham gia kỳ sát hạch, nếu đạt bổ dụng ra làm quan. Tuy nhiên, độ tuổi quy định quyền âm thụ và ra làm quan không cố định, có sự điều chỉnh ở một số thời điểm cụ thể.

⁴ Từ năm 1825, vua Minh Mệnh hạn chế số lượng con của Chánh quân cơ, Phó quân cơ đăng ký vào đội Hoa danh, quyền lợi này chỉ dành cho con của Chánh quân cơ, Phó quân cơ thuộc cơ Ngũ thủy Thủy quân.

các quan viên trung, cao cấp chết trong khi thực hiện nhiệm vụ thì cho phép con cháu họ được làm quan; đặc ân chỉ ân điển của hoàng đế đối với con cháu của các quan viên tiết tháo, tận tụy phò vua trị nước được gia ơn làm quan hoặc đề bạt, thăng chức cho con cháu họ đang giữ chức quan nhỏ (Lộc Tư Tuệ, Khúc Vạn Pháp, Không Lệnh Kỷ, 2013: 534).

Ban chức quan dựa trên ân điển của cha ông là đặc quyền triều Nguyễn dành cho tầng lớp quý tộc, quan viên nhằm tạo lập chỗ dựa vững chắc cho dòng họ thống trị. Người thừa ảm nhận quan chức vẫn có thể bị đào thải, nếu như không chứng tỏ được năng lực và tước quyền tập ảm khi phạm tội. Trường hợp phong ảm cho con, cháu Hoài quốc công Võ Tánh là minh chứng điển hình khi cả con, cháu của viên tướng này đều lần lượt được ảm phong, ban chức, nhưng do bất tài, hèn kém đều bị giáng, bãi chức hàm⁵. “Tùy tài mà bổ dụng” là nguyên tắc nhất quán trong tuyển chọn con cháu của các công thần, quan viên, giúp cho triều Nguyễn thanh lọc, tìm ra những người thực sự tài năng phục vụ cho vương triều, đất nước.

Phương thức thi cử (võ cử)

Do yếu tố lịch sử và hoàn cảnh thực tiễn, tuyển chọn võ quan thông qua thi cử thi hành tương đối muộn dưới triều Nguyễn. Dựa trên những quy định ban hành dưới thời Minh Mệnh, các vua Thiệu Trị, Tự Đức từng bước điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện quy chế thi cử. Theo quy định chung, quân nhân, dân thường nếu có tài năng võ nghệ, thông hiểu binh pháp đều có thể tham gia các kỳ thi do triều đình tổ chức. Thời Thiệu Trị, thi võ học phân chia thành các cấp: thi Hương (tổ chức vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu), thi Hội (các năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất), thi Đình (dành cho những người đỗ thi hội, thông hiểu binh pháp). Nội dung thi cơ bản bao gồm thi nhắc vật nặng (trường nhất), thi côn, giáo, quyền, đao, khiên (trường nhị), thi bắn súng điều thương (trường tam) với những yêu cầu cụ thể, riêng biệt. Võ sinh trúng 3 trường ở kỳ thi Hương, thi Hội đều phải trải qua phúc hạch để xác định kết quả đỗ hay trượt (“trúng cách” hay không “trúng cách”). Thi đình kiểm tra hiểu biết của võ sinh về các sách võ kinh, cách dùng binh... Võ sinh xếp hạng dựa trên thành tích như võ Cử nhân (trúng cách 3 trường ở kỳ thi Hương), võ Phó bảng (trúng cách 3 trường ở kỳ thi Hội), võ Tiến sĩ (đậu thi Đình) (Nội các triều Nguyễn, 2004, t.5: 608). Quy chế thi võ không cố định bất biến, có những điều chỉnh nhất định giữa các triều vua. Kỳ thi Hương diễn ra lần đầu tiên vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), nhưng phải đến năm Tự Đức thứ 18 (1865) kỳ thi Đình mới được tổ chức⁶. Tuyển chọn thông qua thi cử lấy tiêu chí tài năng làm cơ sở đảm bảo sự cạnh tranh công bằng cho các võ sinh, tạo cơ hội cho những người tài giỏi gia nhập chốn quan trường mà không lệ thuộc vào mối quan hệ quen biết hay nguồn gốc xuất thân. Đây là phương thức chủ đạo, thể hiện tính ưu việt của chế độ tuyển chọn võ quan triều Nguyễn, có sự tham chiếu, kế thừa, phát triển cách thức thi võ cử dưới thời Lê trung hưng.

Tuyển chọn dựa trên công lao

Tuyển chọn võ quan dựa trên công lao thi hành tương đối phổ biến dưới triều Nguyễn thông qua việc ban chức cho người có công. Đối tượng tuyển chọn bao gồm những người lập chiến công hay tuyển mộ đông đảo binh lính, quyên góp tiền của cho triều đình trong những năm chiến tranh, thiên tai,... Khi triều Nguyễn thiết lập, một số lượng lớn các công thần, tướng lĩnh đi theo Nguyễn Ánh

⁵ Võ Tánh là viên tướng có công lao to lớn với triều Nguyễn trong cuộc chiến chống Tây Sơn, ông hi sinh trong khi bảo vệ thành Bình Định, triều đình truy phong là Hoài Quốc công, cho con là Võ Khánh tập ảm Khinh xa đô úy, bổ dụng chức Chương cơ lĩnh Vệ úy Hồ oai hậu vệ, vì bất tài bị giáng xuống làm Đội trưởng; cháu là Võ Mỹ tiếp tục tập ảm Kiều kỵ đô úy, sau đổi phong tước làm Hoài bá, tấn phong Hoài hầu trao cho chức Quân vệ Cẩm binh, sau hèn kém cách chức hàm Quân vệ, chỉ giữ ảm tước để châu hầu.

⁶ Theo quy định của triều Nguyễn, người đỗ Võ tiến sĩ được ban mũ áo, ban yến tiệc, vinh quy bái tổ, khắc vào bia ở nhà Võ miếu để lưu danh... Trong kỳ thi đình tổ chức vào năm Tự Đức 18 (1865), Võ Văn Đức (nguyên Võ hội nguyên) đỗ Đề nhị giáp Võ tiến sĩ xuất thân, Võ Văn Lương (nguyên thứ trúng cách) đỗ Đề tam giáp đồng Võ tiến sĩ xuất thân.

trong những năm chinh chiến chống quân Tây Sơn được vua Gia Long trọng dụng (Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đức Xuyên...). Việc ban chức cho những người có công tiếp tục thực hiện ở các triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. *Đại Nam thực lục* còn ghi lại sự kiện Minh Mệnh cho thổ hào Trình Văn Châu làm Chánh đội trưởng do có công đánh giặc (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4: 67) hay cho người lái buôn ở đảo Phú Quốc là Hoàng Văn Kế làm Đội trưởng vì giúp đỡ quan quân triều đình gặp nạn bão (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.4: 199-200). Người có công mộ lính từ 30 người trở lên thì cho làm quyền sai Đội trưởng suất đội, mộ được 50 người thì cho thực thụ Suất đội... Nếu như tiền cử (bảo cử), tập ẩm, thi cử tuân thủ theo các quy định chặt chẽ thì tuyển chọn dựa trên công lao vận dụng linh hoạt theo từng trường hợp cụ thể, là sự động viên, khuyến khích của triều đình dành cho những người có công.

3. Quy chế bổ dụng

Bổ dụng võ quan triều Nguyễn về cơ bản bao gồm các quy định về thí sai, thự chức (hàm), thăng, giáng, điều (cải), đổi, bổ chức vụ. Người mới tuyển chọn hoặc quan viên được bổ dụng chức mới thông thường phải trải qua giai đoạn thí sai hoặc thự chức (hàm) để kiểm tra, đánh giá năng lực trước khi trao quyền giữ chức vụ chính thức (thực thụ). Ở giai đoạn đầu triều Nguyễn, thời gian thí sai, thự hàm về cơ bản là 3 năm hoặc 6 năm (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 836). Dưới thời Tự Đức, thời gian thự hàm có sự điều chỉnh từ 2 đến 3 năm dựa trên phẩm trật, phân loại nơi nhiều việc, ít việc (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.7: 442-443). Riêng võ quan xuất thân từ khoa mục có cơ chế thí sai, thự chức (hàm) riêng. Quy định ban hành năm Tự Đức thứ 18 (1865) thực hiện “bổ dụng kép” đối với các võ Tiến sĩ và Phó bảng, ví như võ quan hàm tòng ngũ phẩm: *Thi đỗ nhất giáp*, nhất danh, bổ Phó lãnh binh, thự Lãnh binh; Trúng nhị danh, bổ Quản cơ, thự Phó lãnh binh; Trúng tam danh, bổ Phó quản cơ, thự Quản cơ. *Đỗ nhị giáp*, bổ Phó quản cơ. *Đỗ tam giáp*, bổ Cai đội cầm binh, thự Phó Quản cơ. *Đỗ Phó bảng* bổ Cai đội cầm binh, đủ một năm bổ thự Phó quản cơ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.7: 963-964)... Võ cử nhân đứng đầu bảng như đệ nhất, đệ nhị, đệ tam đặc cách ban phẩm hàm; biên binh trúng cách sung làm hành tẩu (tập sự) ở xứ Thị vệ, xứ Túc vệ, sau một năm xét tuyển ban cho các chức Đội trưởng, Thí sai chánh Đội trưởng suất đội, Chánh đội trưởng suất đội (Nội các triều Nguyễn, 2004, t.5: 620-621) ...

Võ quan tại chức thông thường làm việc đủ 3 năm sẽ tiến hành thăng, đổi. Một số trường hợp ngoại lệ không tuân theo niên hạn nhờ đặc ân của vua (thăng thưởng nhân các ngày đại khánh, lập quân công...). Thăng chức có thể thực thụ ngay chức vụ hay chỉ tạm thời giữ chức (thăng thự). Quan viên không đảm đương nổi công việc hoặc phạm lỗi bị giáng chức, cách chức, đình thăng. Đổi (cải) bổ, sung bổ võ quan do yêu cầu công việc, thiếu hụt quan viên (nghỉ ốm, qua đời, trí sĩ...), luân chuyển quan chức giữa kinh đô và địa phương. Quan viên chờ bổ dụng (hậu bổ) ở kinh đô hoặc phân phái bổ dụng tại các địa phương do số lượng dư thừa, tạm thời chưa sắp xếp được vị trí... Theo quy định hậu bổ ban hành dưới thời Thiệu Trị, con của các quan viên trong đội Anh danh bổ Chánh đội trưởng suất đội, thuộc đội Giáo dưỡng bổ làm Đội trưởng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.6: 569). Thời Tự Đức, võ Cử nhân chờ hậu bổ tại quê quán, đợi Bộ Binh xem xét bổ dụng, tư đến nhận chức (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.7: 266).

Cơ sở tiến hành bổ dụng võ quan dựa trên kết quả sát hạch và khảo xét công trạng. Sát hạch hàng năm diễn ra vào tháng trọng xuân (tháng Hai âm lịch) do Bộ Binh hoặc quan viên đứng đầu (Đô thống chương phủ sự, Thống chế, Chương vệ, võ quan đại thần ở kinh đô; Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Lãnh binh ở các tỉnh...) phụ trách. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, các vị vua triều Nguyễn cũng thường xuyên yêu cầu sát hạch đột xuất, lập danh sách những người tài giỏi, có thành tích quân công gửi về Nội các hoặc Bộ Binh lưu chiếu ưu, tiên thăng bổ. Trong trường hợp

cần thiết, một số võ quan được gọi về kinh đô do Bộ Binh sát hạch riêng. Khảo xét công trạng hay còn gọi là kinh sát, đại kế⁷ tiến hành tổng hợp, đánh giá kết quả làm việc của võ quan trong vòng 3 năm. Nhìn chung, sát hạch và khảo xét công trạng đều lấy tiêu chí đức (đạo đức), tài (năng lực), lao (làm việc lâu ngày khó nhọc) làm căn bản, phân loại võ quan thành các hạng ưu, bình, thứ, liệt, từ đó thực hiện bổ dụng công bằng. Theo qui định ban hành năm Tự Đức thứ 7 (1854), hạng ưu cho thăng bổ ngay không theo thứ tự; hạng bình theo thứ tự thăng chuyển; hạng thứ vẫn lưu lại chức cũ hoặc đổi bổ vị trí cho giữ nguyên chức hàm cũ; hạng liệt cho giữ nguyên hàm về hưu dưỡng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.7: 317-318). Sát hạch, khảo sát công trạng buộc các võ quan phải không ngừng nỗ lực phấn đấu để không bị đào thải khỏi chốn quan trường, đồng thời, mở ra cơ hội thăng tiến cho tất cả các quan viên mà không phân biệt nguồn gốc xuất thân. Điều này có thể thấy rõ qua trường hợp viên quan Nguyễn Viết Thành. Ông đầu quân vào năm đầu Thiệu Trị (1841), bổ dụng chức Đội trưởng; năm Tự Đức năm thứ 8 (1855) sát hạch đầu côn dư hạng bình được thưởng Chánh đội trưởng suất đội; năm Tự Đức thứ 13 (1860), sát hạch súng điều thương dự hạng ưu, thăng thưởng Quản vệ, sau đó đổi làm thự Lãnh binh quan Hải Dương (1863), sung Phó đề đốc quân thứ Lạng Bình (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, t.4: 409)...

Sự ràng buộc chặt chẽ về mặt phẩm trật, chức vụ là điểm đáng lưu ý đối với việc bổ dụng võ quan triều Nguyễn. Đổi (cải) bổ võ quan giữa các quân, dinh, cơ, vệ, đội phần lớn tương đương về phẩm hàm, chức vụ. Bổ sung quan viên vào vị trí khuyết cho phép võ quan phẩm trật cao đảm đương chức vụ thấp (sung lĩnh, quyền tác vi), phẩm trật thấp giữ chức vụ cao (quyền lĩnh, quyền quản, quyền thự, hiệp quản, hộ lý) hoặc gia hàm lĩnh chức vụ. Chế độ kiêm quản cho phép quan viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ nhằm hạn chế việc lạm bổ quan chức, giải quyết tạm thời tình trạng khuyết, thiếu võ quan... Ngoài ra, nguyên tắc回避 (tránh đi, né tránh) không cho phép thăng, điều, bổ Đội trưởng, Suất đội, Cai đội ngay trong ngay trong các đội họ đang làm việc hoặc bổ dụng quan viên tại quê quán, nơi có mối liên hệ họ hàng, thân thích... nhằm ngăn ngừa việc liên kết bè đảng, thiên vị trong công việc. Việc thi hành nguyên tắc回避 chỉ mang tính chất tương đối, bổ dụng Đội trưởng ở các vệ Cẩm y, Tuyền phong vẫn sử dụng binh lính của các vệ, cơ đội này mà không tuyển dụng từ nơi khác do vị trí, vai trò riêng biệt của các vệ thân binh...

Về mặt nguyên tắc, mọi quyết định bổ dụng đều phải xin ý chỉ của nhà vua gắn với những qui định về thể lệ tấu trình và phân định quyền hạn của các cấp thừa hành. Tuy nhiên, trong những năm đầu triều Nguyễn vừa thiết lập, thể lệ tấu trình và phân định quyền hạn của các cấp thừa hành thiếu sự thống nhất, cùng một chức quan nhưng lại tuân thủ theo những nguyên tắc riêng biệt, ví như việc bổ khuyết chức Chánh vệ úy, Phó vệ úy thuộc quân Thị Trung, quân Thị Nội, Thần Sách do các quan cai quản tâu trình lên vua xin chỉ định nhân sự, nhưng nếu thuộc các dinh quân khác (Tiền quân, Hậu quân...) thì cho phép chọn người tài giỏi, đã thực thụ, tâu xin cấp văn bằng, đợi 3 năm bổ thụ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 641). Đặc biệt ở các địa phương, các quan đứng đầu các thành, dinh, trấn có quyền hạn khá lớn trong việc bổ dụng quan viên dưới quyền. Khi Bắc Thành thiết lập (1802), viên Tổng trấn được phép toàn quyền quyết định việc thăng, giáng võ quan, sau đó tâu trình về kinh đô (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 528). Qui định năm 1805 đối với việc tuyển bổ quan viên khuyết ngạch đồng thời cho biết: Lưu thủ, Trấn thủ có khuyết thì cho Lưu trấn thần (bốn dinh ở Gia Định) và Tổng trấn thần (11 trấn ở Bắc Thành) chọn người

⁷ “Kinh sát”, “đại kế” dưới triều Nguyễn có tên gọi giống như quy chế khảo hạch quan viên của triều Thanh (Trung Quốc), tuy nhiên, lệ định dưới của triều Thanh có sự khác biệt: khảo sát các quan viên ở kinh đô gọi là “kinh sát”, ban đầu 6 năm tiến hành 1 lần, sau đổi thành 3 năm tổ chức 1 lần; quan viên ở ngoài (quan địa phương) cũng tiến hành khảo sát 3 năm 1 lần, gọi là “đại kế”. Kinh sát và đại kế gọi chung là “khảo mẫn” (Lộc Tư Tuệ, Khúc Vạn Pháp, Khổng Lệnh Kỳ, 2013: 547).

tạm quân, tâu lên đợi chỉ; các dinh trấn, từ Quảng Bình đến Bình Thuận và Nghệ An, Thanh Hoa có khuyết Lưu thủ, Trấn thủ thì cho các quan đồng liêu tâu xin chọn bổ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1: 641)... Nhìn chung, bổ dụng võ quan trong những năm đầu triều Gia Long còn tồn tại nhiều bất cập trong việc phân định quyền hạn của các cấp thừa hành, đặc biệt ở Bắc Thành và Gia Định Thành. Nguyên do chủ yếu xuất phát từ khác biệt trong cách thức tổ chức bộ máy hành chính trên một vùng lãnh thổ rộng lớn với số lượng quan viên đông đảo, ảnh hưởng của cách thức bổ dụng từ thời Nguyễn Ánh chống Tây Sơn... Thực tiễn đó buộc vua Gia Long phải ban hành các quy định có tính chất tạm thời, phù hợp với bối cảnh thời hậu chiến, đồng thời, có những điều chỉnh trong quá trình cầm quyền. Việc làm này tiếp tục được các vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức tiếp tục bổ sung, hoàn thiện theo hướng gia tăng quyền lực giám sát của triều đình trung ương, mà trực tiếp là vua. Theo đó, bổ dụng võ quan phẩm trật từ tứ phẩm trở lên (Vệ úy, Phó vệ úy, Quản cơ, Phó quản cơ, Lãnh binh, Đề đốc...) đều phải xin chỉ dụ của nhà vua dựa trên bản tấu trình của Bộ Binh, võ quan thống lĩnh các quân, dinh, vệ ở kinh đô và quan viên đứng đầu các địa phương. Võ quan có phẩm trật từ ngũ phẩm trở xuống hoặc có vị trí ít quan trọng (Cai đội, Đội trưởng...), quan viên cai quản buộc phải tâu về Bộ Binh tấu trình lên vua. Một số trường hợp ngoại lệ không tuân theo thông lệ chung, ví như chức Thành thủ úy (trật tòng tứ phẩm) vẫn do quan địa phương báo về Bộ Binh đề bổ, không cần bản tâu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.3: 77-78). Quy chế bổ dụng thống nhất có sự phân định quyền hạn đối với các cấp thừa hành với quyền quyết định tối cao thuộc về nhà vua đã giúp cho các vua triều Nguyễn tập trung quyền lực, mở rộng quyền kiểm soát đối với việc bổ dụng võ quan, khắc phục hạn chế trong những năm đầu triều Gia Long. Các quan thống lĩnh (Chưởng phủ sự, Thống chế, Tổng trấn,...) có quyền hạn trong việc tùy chọn người bổ dụng các chức quan cao cấp bị bãi bỏ - cho phép họ bảo cử những người xứng đáng tâu trình lên vua. Bộ Binh, về danh nghĩa là cơ quan chịu trách nhiệm tuyển dụng, bổ nhiệm võ quan, nhưng trên thực tế quyền hạn bị hạn chế rất nhiều do sự ràng buộc giữa các cơ quan và các cấp thừa hành. Mặt khác, hoạt động của Đô sát viện, Binh khoa, Giám sát ngự sử các đạo đảm bảo cho việc bổ dụng tuân thủ chặt chẽ, hạn chế các sai phạm.

Võ quan được cấp sắc thư, cáo trục, chiếu (sắc) văn hoặc tạm thời cấp lục chỉ, văn (phó) bằng khi thăng, giáng, đổi, bổ chức vụ, đồng thời đảm bảo các quyền lợi liên quan đến lương bổng, trí sĩ, ưu đãi thân nhân... Tuổi trí sĩ (nghỉ hưu) của võ quan thông thường là 70 tuổi, nhưng có thể thay đổi đối với một số trường hợp cụ thể. Khi bị giáng chức, cách chức, họ buộc phải nộp lại bằng sắc và hoàn trả sau khi khôi phục chức vụ. Lý lịch quan viên có sự điều chỉnh, bổ sung định kỳ vào tháng Tư âm lịch hàng năm do viên quan thống lĩnh các quân, dinh, vệ và quan đứng đầu địa phương đảm trách gửi về kinh đô, do Bộ Lại và Bộ Binh phối hợp tra xét, lưu chiếu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, t.2: 560). Sự phối hợp của Bộ Lại và Bộ Binh trong việc xét duyệt sổ ngạch quan võ đã tạo lập cơ chế giám sát lẫn nhau giữa các cấp thừa hành, đảm bảo tính chính xác, kịp thời nắm rõ sự biến động của cơ cấu nhân sự cũng như hành trạng của các quan viên.

4. Kết luận

Triều Nguyễn ban hành nhiều cách thức tuyển chọn, bổ dụng võ quan, gắn kèm với những quy chế đa dạng, phức tạp, có sự biến đổi qua từng thời kỳ cụ thể, phát triển theo hướng ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ. Đó là sự kế thừa và phát triển kinh nghiệm của các triều đại trước đó, đồng thời, thể hiện sự linh hoạt, thích ứng với đặc điểm tình hình của đất nước (tổ chức bộ máy hành chính, cơ cấu tổ chức quân đội, hệ thống võ quan,...). Sự đa dạng, phức tạp là nhân tố điển hình tạo nên nét đặc, sắc riêng biệt của quan chế triều Nguyễn so với các nhà nước quân chủ khác trong lịch sử Việt Nam. Đặt trong sự đối sánh với quan chế của các triều Minh, Thanh (Trung Quốc), quy chế

tuyển chọn, bổ dụng võ quan triều Nguyễn mang nhiều nét tương đồng do sự giao thoa - tiếp biến lẫn nhau giữa các nhà nước quân chủ có chung mô hình tổ chức, tuy nhiên, bên cạnh những nét chung, vẫn có nhiều điểm khác biệt trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện, tình hình cụ thể của mỗi quốc gia.

Tuyển chọn, bổ dụng võ quan triều Nguyễn tuân thủ nguyên tắc đẳng cấp, tôn ti với những qui định riêng, phân biệt tùy từng đối tượng cụ thể, trong đó con cháu thuộc tầng lớp quý tộc luôn nhận được sự ưu ái nhất định. Việc tuân thủ quy chế bổ dụng có sự phân biệt dựa trên phẩm trật, vị trí vai trò của chức quan, võ quan ở kinh đô, địa phương... đều đảm bảo nguyên tắc thống nhất, tập trung quyền lực vào trong tay nhà vua thông qua việc thiết lập cơ chế ràng buộc, chế ước lẫn nhau giữa các cấp thừa hành. Thông qua hoạt động của Đô sát viện, Binh khoa, Giám sát ngự sử các đạo, triều Nguyễn tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện những sai phạm trong tuyển chọn, bổ dụng võ quan; tổ chức sát hạch, khảo xét công trạng tạo cơ hội cạnh tranh công bằng cho các quan viên trên con đường thăng tiến.

Tài liệu tham khảo

- Lộc Tư Tuệ, Khúc Vạn Pháp, Khổng Lệnh Kỳ (Chủ biên, 2013). *Chế độ quan chức các triều đại trong lịch sử Trung Quốc*. Nxb Tê Lỗ. [鹿诤慧, 万法, 孔令纪 (主编). (2013). 中国历代官制, 齐鲁书社.].
- Nội các triều Nguyễn. (2004). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. t.2, 5. Nxb. Thuận Hóa.
- Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê. (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư*. t.2. Nxb. Khoa học xã hội.
- Phan Huy Chú. (2007). *Lịch triều Hiến chương loại chí*. t.2. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam liệt truyện*. t.3, 4. Nxb Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. t.1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Nxb. Giáo dục.
- Trần Cao Hoa, Tiền Hải Hạo. (Tổng chủ biên, 1997). *Lịch sử chế độ quân sự Trung Quốc: Quyển chế độ võ quan*. Nxb Đại Tượng. [陈高华, 钱海皓 (总主编) (1997), 中国军事制度史: 武官制度卷, 大象出版社].